

Bản án số: **816/2024/DS-ST**

Ngày: 30/9/2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Tiên Bình

2. Bà Nguyễn Minh Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Trúc – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 398/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 682/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 443/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 825/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;**

Trụ sở: 266-268 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhật Kinh K, sinh năm 1987;

Địa chỉ liên lạc: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Đại diện theo Giấy ủy quyền số 3047/2024/UQ-TGD ngày 06/5/2024)

(Có mặt).

- **Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T,** sinh năm 1995;

Địa chỉ: C - D đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2024 và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Nhật Kinh K trình bày:

Ngày 09/11/2021, bà Nguyễn Thị Thanh T có ký kết với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), hạn mức tín dụng là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.48%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 170.612.104 (Một trăm bảy mươi triệu sáu trăm mười hai nghìn một trăm linh bốn) đồng, thứ tự thanh toán theo Điều 21 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ, do đó bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Từ ngày 06/3/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 24 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 12/8/2024, bà T còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 73.025.158 (Bảy mươi ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn một trăm năm mươi tám) đồng, trong đó: Nợ gốc: 44.183.526 đồng và lãi quá hạn: 28.841.632 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà T, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết các yêu cầu sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/8/2024 là 73.025.158 (Bảy mươi ba triệu không trăm hai mươi lăm nghìn một trăm năm mươi tám) đồng, trong đó: Nợ gốc: 44.183.526 đồng và lãi quá hạn: 28.841.632 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/8/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Nhật Kinh K trình bày ý kiến: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 75.711.926 (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm hai mươi sáu) đồng, trong đó: Nợ gốc: 44.183.526 đồng và lãi quá hạn: 31.528.400 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tại phiên Tòa.

- Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ vay theo hợp đồng đã ký, do đó có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T cung cấp địa chỉ nơi ở hiện tại là 38 - D đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và địa chỉ hộ khẩu thường trú là Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Theo kết quả xác minh của Công an P, quận T có nội dung: “Tại địa chỉ 3 đường C, Phường A, quận T hiện không có ai tên Nguyễn Thị Thanh T sinh năm 1995 cư trú”. Theo kết quả xác minh của Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có nội dung: “Qua làm việc với bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1972, HKTT: thôn Đ, Đ, Đ, Đắk Nông là mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị Thanh T, công an xác minh và được bà Q cung cấp như sau: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1995 có HKTT tại Thôn H (nay là Thôn Đ), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Bà Nguyễn Thị Thanh T hiện đang đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, không rõ làm gì. T đi làm từ đầu tháng 06/2024, chỉ biết làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài ra bà Q và gia đình không biết sinh sống cụ thể ở quận, huyện nào của Thành phố Hồ Chí Minh”.

Như vậy, địa chỉ 3 đường C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ cư trú cuối cùng của bị đơn nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Điều 5 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017.

Căn cứ vào Giấy ủy quyền số 3047/2024/UQ-TGD ngày 06/5/2024 của Ngân hàng TMCP S là ủy quyền hợp lệ nên ông Nguyễn Nhật Kinh K có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

[1.2] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt. Phía bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay cho nguyên đơn tổng cộng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/9/2024 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký là 75.711.926 (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm hai mươi sáu) đồng, trong đó: Nợ gốc: 44.183.526 đồng và lãi quá hạn: 31.528.400 đồng.

Xét, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được ký giữa các bên có hình thức phù hợp, nội dung thỏa thuận tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với chức năng, ngành nghề đã đăng ký nên hợp pháp, phát sinh hiệu lực. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đã ký do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ, gửi thông báo nợ quá hạn và lập biên bản làm việc về thanh toán các khoản vay trên nhưng phía bị đơn vẫn không hợp tác, cố tình né tránh nên nguyên đơn khởi kiện. Đối chiếu với lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì bị đơn có nghĩa vụ thanh toán nợ vay gốc phát sinh từ các hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tính đến ngày 30/9/2024 như trên. Đối với khoản tiền lãi, căn cứ vào lời khai, bảng chi tiết tính lãi của nguyên đơn thì mức lãi suất, thời gian tính lãi cũng như số tiền lãi, phí phát sinh là đúng theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi tính đến ngày 30/9/2024 và tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh khác theo quy định của hợp đồng hai bên đã ký kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tuy những lời trình bày cũng như việc cung cấp các tài liệu, chứng cứ do phía bên nguyên đơn thực hiện nhưng bị đơn dù đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh cũng như trình bày ý kiến, yêu cầu (nếu có) của mình đối với các khoản tiền vay, khoản đã trả và số tiền còn thiếu do nguyên đơn trình bày.

Từ những phân tích trên, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[3] *Phương thức và thời hạn thanh toán*: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu, gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện đối với nguyên đơn. Theo đó, bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí trên tổng số nợ phải thanh toán tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 75.711.926 đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S:

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 75.711.926 (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm hai mươi sáu) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 44.183.526 (Bốn mươi bốn triệu một trăm tám mươi ba nghìn năm trăm hai mươi sáu) đồng;

- Lãi quá hạn: 31.528.400 (Ba mươi một triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm) đồng.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu các khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Thanh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu là 3.785.596 (Ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm chín mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP S tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.528.165 (Một triệu năm trăm hai mươi tám nghìn một trăm sáu mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001888 ngày 03/6/2024 Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc